

Bản án số: 09/2024/DS- ST

Ngày: 21/6/2024

“Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Toàn

Ông Nguyễn Văn Thương

-Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Phan Lộc Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLST-DS ngày 27/7/2023 về "Tranh chấp thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 29/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 29/02/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/QĐST-DS ngày 28/3/2024, số 02/2024 ngày 26/4/2024 và số 03/2024 ngày 25/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X1: Ông Dương Văn T và bà Võ Thị Kim O, cùng địa chỉ: Số 102 đường Dương Văn A, phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X2, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Thị X2: Anh Mai Thành Đ, sinh năm 1999 (con trai bà X2), địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ 2;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị X2 thuộc diện người khuyết tật có khó khăn về tài chính: Ông Hoàng Minh T -Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. *Những người có quyền lợi liên quan:*

- Ông Đặng Đại N, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

- Bà Bùi Thị D, địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2023, các bản tự khai, đơn trình bày và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X1 cũng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thống nhất: Bố của bà X1 là cụ Nguyễn Văn V, sinh năm 1928, chết năm 2008 và mẹ là cụ Nguyễn Thị X3, sinh năm 1928, chết năm 2014; ông ngoại Nguyễn Văn H, chết năm 1952, bà ngoại Nguyễn Thị L, chết năm 1947.

Bố mẹ sinh ra được 04 người con:

Con thứ nhất: Đã chết khi chưa có tên;

Con thứ hai: Nguyễn Thị V, sinh năm 1952, chết năm 2007;

Con thứ ba: Nguyễn Thị X1, sinh năm 1966;

Con thứ tư: Nguyễn Thị X2, sinh năm 1970.

Năm 1971, bố mẹ ly hôn nhau, bố đi lấy người khác, mẹ không kết hôn với ai, tiếp tục nuôi 03 đứa con. Đến năm 1992 được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Lệ Thủy cấp cho mẹ một thửa đất số 110, tờ bản đồ số 06, diện tích 595,8m², trong đó, đất ở nông thôn 150m², đất trồng cây hàng năm khác 445,8m² tại thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 850188 ngày 12/01/1992 mang tên Nguyễn Thị X3. Năm 2014 mẹ chết không để lại di chúc. Tài sản của mẹ để lại gồm: 01 thửa đất nói trên và trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 60m² đã cũ. Theo Biên bản thẩm định và định giá tài sản do Tòa án tổ chức ngày 10/11/2023 thì thửa đất nói trên theo đo đạc thực tế 549,8m² có giá 35.693.400 đồng và tài sản trên thửa đất là ngôi nhà cấp 4 diện tích 47m² cùng công trình và cây cối có giá là: 189.963.700 đồng. Tổng cộng toàn bộ tài sản cả đất và tài sản trên đất có giá trị: 225.657.100 đồng. Bà X1 nhất trí số lượng và giá trị tài sản theo Hội đồng đã xác định trên, để chia thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Thị X3, gồm 02 kỷ phần còn lại là Nguyễn Thị X1 và Nguyễn Thị X2 bằng nhau, cụ thể, chia đôi thửa đất số 110 tờ bản đồ số 6, diện tích 549,8m² (theo diện tích mà Hội đồng thẩm định thực tế) và tài sản trên thửa đất là ngôi nhà cấp 4 diện tích 47m² cùng công trình phụ, mái che, nhà quán, giếng và một số cây cối như thẩm định. Bà X1 tự nguyện giao phần đất gắn liền ngôi nhà và công trình phụ cho bà Nguyễn Thị X2 được hưởng thừa kế, bà nhận phần đất không có nhà nhưng bà X2 phải giao giá trị chênh lệch tài sản cho bà.

*Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị X2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Hoàng Minh T trình bày thống nhất: Việc bà Nguyễn Thị X1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của mẹ để lại, bà Nguyễn Thị X2 không nhất trí, tuy nhiên theo pháp luật quy định thì người thừa kế có quyền yêu cầu chia thừa kế của người chết để lại nên bà X2 chấp nhận: Bà X2 thừa nhận về họ tên bố mẹ, tình trạng hôn nhân, thời điểm bố mẹ chết và hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ như bà X1 trình bày là đúng sự thật. Ông bà ngoại đã chết từ lâu, hàng thừa kế của mẹ (cụ Nguyễn Thị X3) chỉ còn hai người là bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị X2. Năm 1989, bà X1 đi lấy chồng ở tại thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, không ở cùng cụ X3 nữa. Năm 1992 cụ Nguyễn Thị X3 được UBND huyện Lệ Thủy cấp

thửa đất số 110, tờ bản đồ số 6, diện tích 595,8m², cụ xây dựng trên đất đó 01 ngôi nhà cấp 4, 2 gian để cụ và hai mẹ con bà X2 cùng ở với nhau (bà X2 không có chồng, chỉ có một đứa con là Mai Thành Đ, sinh năm 1999, thường xuyên bị ốm đau). Năm 2014 cụ X3 chết, cũng là thời điểm bà bị bệnh thần kinh đang điều trị tập trung tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi cụ X3 chết, tài sản của cụ để lại là thửa đất và ngôi nhà nói trên. Vì hoàn cảnh mẹ góa con cô lại còn ốm đau bệnh tật thường xuyên, nhà và đất của cụ X3 để lại là chỗ ở duy nhất của mẹ con bà, bà không chấp nhận chia thừa kế, nếu theo pháp luật phải chia, thì bà yêu cầu Tòa án xem xét chia cho bà được hưởng 2/3 di sản của cụ X3 để lại, bà X1 hưởng 1/3, vì từ khi cụ X3 ốm đến khi chết (năm 2014) bà X1 là con nhưng không chăm sóc, nuôi dưỡng, mẹ phải nhờ bà con xóm giềng giúp đỡ. Năm 2019 bà đỡ bệnh trở về, tiếp tục sống cùng con trai trong nhà của cụ X3 để lại, bà là người bảo quản, tôn tạo, giữ gìn đất đai, tu sửa nhà cửa và làm thêm công trình phụ, đài nước, bồn nước, mái che và ở trong ngôi nhà và thửa đất của cụ X3 để lại cho đến nay; nhà quán bán hàng làm cách đây 20 năm nhưng do một mình bà tạo dựng, các tài sản trên là tài sản riêng của bà, không phải tài sản của cụ X3 để lại nên yêu cầu Tòa án không đưa vào chia thừa kế.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Đại N, con trai của bà Nguyễn Thị V, có đơn xin vắng mặt nhưng đã trình bày ý kiến qua Văn bản trình bày ý kiến 26/6/2023 và bản tự khai ngày 09/8/2023, với quan điểm: Anh nhất trí, về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế của bà ngoại anh là cụ Nguyễn Thị X3 gồm 03 người con là mẹ anh Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị X2, mẹ anh đã chết năm 2007 (chết trước bà ngoại) nên theo pháp luật, anh là người được hưởng thừa kế thế vị kỹ phần thừa kế của mẹ anh do bà ngoại để lại. Tuy nhiên, anh không có nhu cầu nhận thừa kế tài sản của bà ngoại để lại, anh từ chối nhận thừa kế và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ X3 cho bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị X2 theo pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D trình bày: Bà là hàng xóm của cụ Nguyễn Thị X3 trước đây và nay là hàng xóm với bà Nguyễn Thị X2. Trước đây khi cụ X3 còn sống, cụ ở với mẹ con bà X2, khi bà X2 đi điều trị tại Huế, cụ ở với cháu Mai Thành Đ con của bà X2, những lúc cụ X3 ốm đau, bà thấy thương tình nên giúp đỡ, chăm sóc cụ, kể cả lúc ốm nặng bà là người đưa cụ X3 đi viện. Do cụ X3 già yếu, đất để hoang không ai sử dụng nên cụ X3 cho bà trồng hoa màu cho đến nay. Hiện nay, bà X1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ X3 để lại, ý kiến của bà: Nếu Tòa chia phần đất có hoa màu của bà giao cho ai, thì bà sẽ thu hoạch hoa màu về, bà không có yêu cầu gì khác.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản ngày 10/11/2023 và Biên bản điều chỉnh biên bản định giá tài sản ngày 11/4/2024:

1. Phân đất: Diện tích thửa đất trên thực tế 549,8m² thuộc khu vực 2, vị trí 1. Trong đó:

+ 150m² đất ở x 150.000đ/m² = 22.500.000 đồng;

+ 399,8m² đất vườn x 33.000đ/m² = 13.193.400 đồng.

Cộng đất : 35.693.400 đồng.

2. Tài sản trên đất :

- + Nhà ở $47m^2 \times 2.651.000 \text{ đ}/m^2 = 124.597.000 \text{ đồng}$;
- + Mái che trước nhà: $30,21m^2 \times 828.000 \text{ đồng}/m^2 = 25.013.880 \text{ đồng}$;
- + Nhà vệ sinh $1,8m^2 \times 1.067.000 \text{ đồng}/m^2 = 1.920.600 \text{ đồng}$;
- + Giếng nước: $6m(\text{sâu}) \times 1.860.000 \text{ đồng}/m = 11.160.000 \text{ đồng}$;
- + Đài nước: $0,36m^3 \times 7.534.000 \text{ đồng}/m^3 = 2.712.240 \text{ đồng}$;
- + Bồn nước Tân Á (500L) = 3.000.000 đồng;
- + Quán: $22m^2 \times 730.000 \text{ đ}/m^2 = 16.060.000 \text{ đồng}$;
- + Hàng rào trụ bê tông lưới B40: $14,2m \times 190.000 \text{ đồng}/m = 2.698.000 \text{ đồng}$;
- + Một cây bàng phi lớn hơn 30cm x 177.000 đồng = 177.000 đồng;
- + 07 cây đu đủ có quả x 106.300 đ/cây = 744.000 đồng;
- + $20m^2$ rau màu các loại x 8.200 đồng/ m^2 = 164.000 đồng;
- + $15m^2$ cây sắn chưa thu hoạch x 5.800 đồng/ m^2 = 87.000 đồng;
- + $50m^2$ rau khoai lang x 5.800 đồng/ m^2 = 290.000 đồng;
- + Hai cây ổi có quả x 313.000 đồng/cây = 626.000 đồng;
- + Một cây bưởi có quả x 661.200 đồng/cây = 661.200 đồng;
- + Một cây xoan phi lớn hơn 25cm x 52.680 đồng = 52.680 đồng.

Cộng tài sản trên đất: 189.963.700 đồng.

Tổng cộng cả đất và tài sản trên đất: 35.693.400 đồng + 189.963.700 đồng = 225.657.100 đồng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vẫn tạo điều kiện cho hai bên hòa giải để thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thỏa thuận được. Bà X2 yêu cầu trừ ra các tài sản do bà tạo dựng và các cây cối bà trồng. Số di sản của cụ X3 để lại, bà xin được nhận 2/3, vì hoàn cảnh ốm đau, mẹ góa con côi đang hưởng trợ cấp xã hội. Tuy không thỏa thuận được nhưng bà X1 nhất trí trừ các tài sản của bà X2 tạo dựng gồm: Mái che, công trình phụ, đài nước, bồn nước và các loại hoa màu trong vườn. Riêng nhà quán là tài sản của cụ X3, làm cách đây hơn 20 năm, khi xây dựng, chồng bà X1 giúp công xây dựng cho cụ X3, bà X1 không chấp nhận trừ ra. Đối với yêu cầu của bà X2 được hưởng 2/3 di sản, bà X1 không đồng ý nhưng bà chấp nhận nhường phần đất có nhà đang hiện hữu cho bà X2 được hưởng, bà nhận phần đất không có nhà, bà X2 phải giao lại chênh lệch tài sản cho bà 1/2 hoặc 2/3 (của phần phải giao) cũng được tùy Tòa giải quyết.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng pháp luật tố tụng. Riêng đại diện theo pháp luật của bà X2 là anh Mai Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai cũng như trong quá trình hòa giải nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tại phiên tòa bà X2 cho biết anh Đ ốm đau thường xuyên nên không thể có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 167, 188 của Luật đất đai 2013 đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X1 về việc chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất tại thửa 110, tờ bản đồ số 6, diện tích 595,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/01/1992 mang tên Nguyễn Thị X3 nay được đo đạc thực tế theo hiện trạng là 549,8m², trong đó 150m² đất ở, 399,8m² đất vườn và tài sản trên đất là nhà ở, nhà quán và cây cối (trừ các hạng mục và cây cối của bà X2). Tất cả có giá trị 191.725.280 đồng cho những người thừa kế hàng thứ nhất của cụ X3 còn lại là bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị X2; Chấp nhận sự tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế của anh Đặng Đại N; theo đề nghị của bị đơn bà Nguyễn Thị X2 yêu cầu chia cho bà 2/3 di sản thừa kế, vì bà là người đã có công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo di sản của cụ X3 trong thời gian dài, hiện mẹ con bà bị bệnh ốm đau thường xuyên. Đây là tình trạng thực tế mà bà X1 cũng thừa nhận, tuy nhiên hai người trong hàng thừa kế không thỏa thuận được mức thù lao nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho bà X2 hưởng 2/3 di sản thừa kế là hợp lý, cụ thể:

- Chia cho bà Nguyễn Thị X1 được quyền sở hữu và sử dụng 1/3 di sản thừa kế tương đương 1/3 giá trị tài sản của cụ X3 để lại.

- + Về đất: Được quyền sử dụng 203,9m² (Phần đất không gắn liền nhà và công trình phụ) trong đó, 75m² đất ở; 128,9m² đất vườn, theo thửa đất số 110, tờ bản đồ số 6, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

- + Được sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia: 01 nhà quán; 02 cây ôi; 01 cây bưởi; 01 cây xoan.

- Chia cho bà Nguyễn Thị X2 được quyền sử dụng và sở hữu 2/3 di sản thừa kế tương đương 2/3 giá trị tài sản của cụ X3 để lại, cụ thể:

- + Về đất: Được quyền sử dụng 345,8m² (Phần đất gắn liền nhà và công trình phụ) trong đó, 75m² đất ở, 270,8m² đất vườn, theo thửa đất số 110, tờ bản đồ số 6, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

- + Được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất được chia, gồm: Nhà ở gắn liền đất; Giếng nước; Hàng rào trụ bê tông lưới B40 14,2m; Một cây bàng phi lớn hơn 30cm.

Buộc bà Nguyễn Thị X2 phải có nghĩa vụ giao chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị X1; buộc bà Nguyễn Thị X2 có nghĩa vụ thu hoạch toàn bộ hoa màu trên đất được giao cho bà Nguyễn Thị X1, bà Bùi Thị D có nghĩa vụ thu hoạch toàn bộ rau khoai lang trên phần đất được chia cho bà X1, bà X2.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cũng như án phí, đề nghị Hội đồng xét xử thực hiện theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị X3 về nhà và đất tại thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, các đương sự và tài sản tranh chấp đều có địa chỉ trên địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo khoản 5 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa anh Mai Thành Đ là người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị X2 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai; bà X2 trình bày, anh Đ con bà thường xuyên ốm đau; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X2 có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X1, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị X3, gồm: 01 thửa đất diện tích 595,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Lệ Thủy cấp ngày 12/01/1992, mang tên Nguyễn Thị X3. Hiện nay theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc thực tế thì thửa đất có diện tích 549,8m². Cụ Nguyễn Thị X3 chết ngày 09/01/2014 không để lại di chúc, do đó, bà Nguyễn Thị X1 yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ X3 để lại là diện tích đất theo đo đạc thực tế hiện nay 549,8m² và tài sản gắn liền với đất là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2]. Về hàng thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị X3: Cụ Nguyễn Văn V (chồng của cụ X3) đã ly hôn với cụ X3 khoảng năm 1971, tuy không còn tài liệu chứng minh việc ly hôn nhưng sau đó cụ V đi lấy vợ khác là cụ Trần Thị L, cùng ở tại xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, hai cụ sinh ra được 06 người con (theo xác nhận của UBND xã M), điều đó chứng tỏ thời kỳ này cụ V và cụ X3 không còn quan hệ hôn nhân nữa. Cụ X3 và cụ V có 04 người con: 01 người chết khi còn nhỏ chưa có tên; bà Nguyễn Thị V (họ tên khác: Lê Thị V), sinh năm 1952, chết năm 2007; Nguyễn Thị X1, sinh năm 1966; Nguyễn Thị X2, sinh năm 1970; bố mẹ của cụ X3 là cụ ông Nguyễn Văn H, chết năm 1952, cụ bà Nguyễn Thị L, chết năm 1947. Anh Đặng Đại N (con của bà Nguyễn Thị V) có đơn từ chối nhận thừa kế của cụ Nguyễn Thị X3.

Do đó, hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị X3 còn lại 02 người là bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị X2.

[2.3] Di sản thừa kế:

Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 6, diện tích 595,8m² do UBND huyện Lệ Thủy cấp cho cụ X3 vào năm 1992, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế, thửa đất có diện tích 549,8m² là tài sản riêng của cụ X3.

Cụ Nguyễn Thị X3 chết không để lại di chúc, tài sản của cụ để lại gồm thửa đất và tài sản trên đất như đã xem xét thẩm định và định giá ở trên. Hai bên thống nhất diện tích đất và các tài sản trên đất theo kết quả thẩm định và định giá. Tuy nhiên, quá trình sử dụng sau khi cụ X3 chết, bà X2 có làm thêm một số hạng mục và trồng một số cây cối, hoa màu, như: Làm mái che, nhà vệ sinh, đài nước và bồn nước; trồng cây đu đủ, cây sắn, rau khoai lang và rau màu các loại, hai bên thống nhất trừ ra nên Hội đồng xét xử không đưa vào khối di sản của cụ X3. Riêng nhà quán, bà X2 cho rằng của bà tự tạo dựng cách đây 20 năm, năm 2023 sửa chữa lại hết 5 triệu đồng, bà X1 cho rằng của cụ X3 đã làm cách đây hơn 20 năm, khi làm có chồng bà X1 giúp công xây dựng cho cụ X3, hai bên không có chứng cứ chứng minh, song qua xem xét thẩm định thấy quán đã cũ, xuống cấp, trước đây cụ X3 còn sống, cụ cũng đã từng buôn bán tại quán này. Do đó, có căn cứ xác định nhà quán của cụ X3 để lại, bà X2 có công sức sửa chữa, tôn tạo.

Như vậy, di sản của cụ Nguyễn Thị X3 để lại gồm:

* Về đất: $249,8\text{m}^2$ (theo thẩm định thực tế), trong đó:

+ 150m^2 đất ở x $150.000\text{đ}/\text{m}^2 = 22.500.000$ đồng;

+ $399,8\text{m}^2$ đất vườn x $33.000\text{đ}/\text{m}^2 = 13.193.400$ đồng.

Cộng : 35.693.400 đồng.

* Tài sản trên đất:

+ Nhà ở 47m^2 x $2.651.000 \text{đ}/\text{m}^2 = 124.597.000$ đồng;

+ Giếng nước: $6\text{m}(\text{sâu})$ x $1.860.000 \text{đồng}/\text{m} = 11.160.000$ đồng;

+ Quán: 22m^2 x $730.000\text{đ}/\text{m}^2 = 16.060.000$ đồng;

+ Hàng rào trụ bê tông lưới B40: $14,2\text{m}$ x $190.000 \text{đồng}/\text{m} = 2.698.000$ đồng;

+ Một cây bàng phi lớn hơn 30cm x 177.000 đồng = 177.000 đồng;

+ Hai cây ổi có quả x $313.000 \text{đồng}/\text{cây} = 626.000$ đồng;

+ Một cây bưởi có quả x $661.200 \text{đồng}/\text{cây} = 661.200$ đồng;

+ Một cây xoan phi lớn hơn 25cm x $52.680 \text{đồng}/\text{cây} = 52.680$ đồng.

Cộng tài sản trên đất: 156.031.980 đồng.

Tổng cộng cả đất và tài sản trên đất: $35.693.400 \text{đồng} + 156.031.880 \text{đồng} = 191.725.280 \text{đồng}$.

[2.4] Phân chia di sản:

Di sản của cụ X3 phân chia cho hai thừa kế là bà Nguyễn Thị X1 và bà Nguyễn Thị X2. Do ngôi nhà nằm trên phần lớn diện tích đất và mẹ con bà X2 đang ở nên bà X1 tự nguyện nhường phần hiện vật nhà gắn liền với đất cho bà X2 sở hữu, sử dụng, bà chấp nhận được chia phần đất không có nhà và nhận một phần chênh lệch tài sản, không nhất thiết tương đương. Ý kiến của bà Nguyễn Thị X2 xin được nhận 2/3 khối di sản thừa kế của cụ X3 để lại, vì bà có công sức, bảo quản, giữ gìn tôn tạo và hoàn cảnh khó khăn neo đơn. Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và xét trên thực tế, bà X1 đi lấy chồng từ năm 1989 và có nơi ở riêng. Sau khi cụ X3 chết, mẹ con bà X2 ở tại ngôi nhà của cụ X3 để lại cho đến nay. Tuy những người thừa kế không thỏa thuận cử người quản lý di sản của cụ X3 và thanh toán chi phí bảo quản di sản như thế nào nhưng thực tế, bà X2 có công sức tôn tạo, sửa chữa nhà, quán và bảo

quản, giữ gìn đất đai, đồng thời hương khói cho cụ X3, hoàn cảnh của bà X2 neo đơn, ốm đau, bệnh tật, là người khuyết tật dạng thần kinh, tâm thần đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, con trai Mai Thành Đ cũng ốm đau. Qua phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục tạo điều kiện cho bà X1, bà X2 thỏa thuận với nhau, tuy qua trao đổi, hai người không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng đối với yêu cầu của bà X2 xin được hưởng 2/3 giá trị di sản của cụ X3 để lại, coi như bù lại công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo trong thời gian qua, bà X1 không nhất trí hoàn toàn nhưng chấp nhận cho bà X2 nhận hiện vật là nhà gắn liền đất và giao lại một phần chênh lệch tài sản cho bà không nhất thiết phải tương đương, bà X1 nhận phần đất không có nhà. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn, chia cho bị đơn bà X2 2/3 di sản thừa kế của cụ X3 để lại, trong đó có một phần thù lao công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo là hợp lý, phù hợp với Điều 618 của Bộ luật dân sự và cũng phù hợp với ý kiến của nguyên đơn, bị đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Nguyễn Thị X1 đã tạm nộp và Tòa án đã chi bồi dưỡng cho Hội đồng 3.900.000 đồng, nay hai bên không thỏa thuận được nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần giá trị di sản được chia và hưởng; bị đơn bà Nguyễn Thị X2 là người khuyết tật nên được miễn án phí là phù hợp với Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 167, 188 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị X3 để lại theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất tại thửa 110, tờ bản đồ số 6, diện tích 595,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/01/1992 mang tên Nguyễn Thị X3, nay được đo đạc thực tế theo hiện trạng là 549,8m², trong đó 150m² đất ở, 399,8m² đất vườn và tài sản gắn liền với đất. Tất cả có giá trị 191.725.280 đồng

2. Chấp nhận sự tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế của anh Đặng Đại N.

3. Chia di sản của cụ Nguyễn Thị X3 cho hai đồng thừa kế Nguyễn Thị X1 và Nguyễn Thị X2, cụ thể:

* Chia cho bà Nguyễn Thị X1 được quyền sở hữu và sử dụng 1/3 di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị X3 để lại tương đương giá trị 63.908.426 đồng, cụ thể:

+ Về đất: Bà Nguyễn Thị X1 được quyền sử dụng 203,9m², trong đó, 75m² đất ở trị giá: 11.250.000 đồng; 128,9m² đất vườn trị giá: 4.253.700 đồng, tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 6, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 850188 do Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp ngày 12/01/1992 mang tên Nguyễn Thị X3, cụ thể:

Phía Đông giáp nương nước và đường bê tông (từ điểm 3 đến điểm 4) có số đo: 8,68m;

Phía Nam giáp đường bê tông (từ điểm 4 đến điểm 5) có số đo: 20,72m;

Phía Tây giáp đất vườn bà Bùi Thị D (từ điểm 5 đến điểm 6, đến điểm 7) có số đo lần lượt 9,19m; 2,0m;

Phía Bắc giáp đất nhà bà Nguyễn Thị X2 (từ điểm 3 đến điểm 7) có số đo 29,94m.

(Tất cả được thể hiện trên sơ đồ kèm theo Bản án)

+ Được sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia:

- 01 nhà quán trị giá 16.060.000 đồng;
- 02 cây ổi trị giá 626.000 đồng;
- 01 cây bưởi trị giá 661.200 đồng;
- 01 cây xoan trị giá 52.680 đồng.

Tổng cộng có giá trị: 32.903.580 đồng.

* Chia cho bà Nguyễn Thị X2 được quyền sử dụng và sở hữu 2/3 di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị X3 để lại tương đương giá trị: 127.816.852 đồng, cụ thể:

+ Về đất: Bà Nguyễn Thị X2 được quyền sử dụng 345,8m², trong đó, 75m² đất ở trị giá 11.250.000 đồng, 270,8m² đất vườn trị giá: 8.936.400 đồng, theo thửa đất số 110, tờ bản đồ số 6, địa chỉ Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 850188 do Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp ngày 12/01/1992 mang tên Nguyễn Thị X3, cụ thể:

Phía Đông giáp nương nước và đường bê tông (từ điểm 2 đến điểm 3) có số đo: 12,02m;

Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị X1 (từ điểm 3 đến điểm 7) có số đo 29,94m.

Phía Tây giáp đất vườn bà Bùi Thị D (từ điểm 1 đến điểm 7) có số đo: 11,10m;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Nguyễn Đức H (từ điểm 1 đến điểm 2) có số đo 30,36m.

(Tất cả được thể hiện trên sơ đồ kèm theo Bản án)

+ Được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất được chia, gồm:

- Nhà ở trị giá: 124.597.000 đồng;
- Giếng nước trị giá: 11.160.000 đồng;
- Hàng rào trụ bê tông lười B40 14,2m trị giá: 2.698.000 đồng;
- Một cây bàng phi lớn hơn 30cm trị giá: 177.000 đồng.

Tổng cộng tất cả có giá trị: 158.818.400 đồng nhưng Bà Nguyễn Thị X2 được hưởng 127.816.852 đồng nên bà X2 phải có nghĩa vụ giao chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị X1 là 31.004.846 đồng.

Bà Nguyễn Thị X2 có nghĩa vụ thu hoạch toàn bộ hoa màu trên đất được giao cho bà Nguyễn Thị X1; bà Bùi Thị D có nghĩa vụ thu hoạch toàn bộ hoa màu (rau khoai lang) trên phần đất được chia cho bà X2, bà X1.

4. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị X1 phải chịu 1.300.000 đồng; bà Nguyễn Thị X2 phải chịu 2.600.000 đồng. Bà Nguyễn Thị X1 đã tạm nộp toàn bộ, vì vậy, bà Nguyễn Thị X2 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X1 là 2.600.000 đồng.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.195.421 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo biên lai thu tiền số 0004680 ngày 24/7/2023, số còn lại bà X1 phải nộp tiếp. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị X2.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 21/5/2024; đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn